

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 809/TTr-TNMT ngày 15/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty CP may Sơn Động, địa chỉ trụ sở chính: Thôn Mặn, xã Vĩnh An, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Đầu tư xây dựng xí nghiệp may Sơn Động” tại thôn Mặn, xã Vĩnh An, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

- Tên cơ sở: Đầu tư xây dựng xí nghiệp may Sơn Động.
- Chủ cơ sở: Công ty CP May Sơn Động
- Địa điểm hoạt động: Thôn Mặn, xã Vĩnh An, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 2400488811 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 14/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06/10/2023.
Giấy chứng nhận đầu tư số 20121000235 do UBND tỉnh Bắc Giang cấp, chứng nhận lần đầu ngày 20/11/2009.
- Mã số thuế: 2400488811.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất hàng may mặc

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi: Cơ sở được thực hiện tại thôn Mẫn, xã Vĩnh An, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang với diện tích đất sử dụng khoảng 3,7 ha.

- Quy mô, công suất của cơ sở:

+ Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Quy mô, công suất: Xây dựng nhà máy may công nghiệp với 900 công nhân để sản xuất các hàng may mặc như: quần, áo, váy...; công suất 3,5 triệu sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ ôi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty CP may Sơn Động được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty CP may Sơn Động có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty CP may Sơn Động có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 1503/QĐ-UBND ngày 20/9/2010 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng xí nghiệp may Sơn Động” tại Thôn Mặn, xã An Lập, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (nay là Thôn Mặn, xã Vĩnh An, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang) do Công ty CP may Sơn Động làm chủ đầu tư và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Sơn Động, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Đầu tư xây dựng xí nghiệp may Sơn Động” tại Thôn Mặn, xã Vĩnh An, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang của Công ty CP may Sơn Động được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn Kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1186/QĐ-TNMT ngày 17/11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty CP may Sơn Động được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Sơn Động, UBND xã Vĩnh An, Công ty CP may Sơn Động và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty CP may Sơn Động (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:** có 02 nguồn phát sinh

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh của công nhân.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn ca, khu nhà văn phòng, nhà ở công nhân.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Cơ sở có 01 dòng nước thải sau xử lý qua trạm xử lý nước thải sinh hoạt (công suất 40 m³/ngày đêm) được xả ra nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Tráng Hồng, thôn Mạn, xã Vĩnh An, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: 01 vị trí sau trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40 m³/ngày đêm xả ra suối Tráng Hồng, thôn Mạn, xã Vĩnh An, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰): X=2361366 Y=486065.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 40 m³/ngày đêm, tương đương khoảng 1,67m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40m³/ngày đêm theo đường ống uPVC D50 chiều dài 15 m xả thải ra nguồn tiếp nhận là suối Tráng Hồng theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ)

2.3.3. Chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B), cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ

1	pH	-	5-9	Căn cứ khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải
2	BOD ₅	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/l	1000	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng coliforms	MPN/10 0ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

+ Nước thải từ khu nhà vệ sinh của công nhân được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn (01 bể thể tích 12 m³, kích thước 3,2mx2,28mx1,64m) được xây dựng cạnh nhà vệ sinh, sau đó nước thải được đưa về hố gom nước thải. Nước thải từ hố gom nước thải được dẫn theo đường ống uPVC D50 chiều dài khoảng 230m bằng máy bơm công suất 0,75Kw về trạm xử lý nước thải công suất 40m³/ngày đêm.

+ Nước thải từ nhà vệ sinh khu nhà văn phòng được đưa xuống bể tự hoại 2 ngăn (01 bể, thể tích 9,5 m³ kích thước 2,3mx2,3mx1,8m), sau đó nước thải theo đường ống uPVC D50 chiều dài khoảng 160 m thu gom cùng nước thải nhà ăn ca và nhà ở công nhân đưa về bể gom nước thải (thể tích 8m³).

+ Nước thải từ nhà vệ sinh của nhà ăn ca được đưa xuống bể tự hoại 3 ngăn thể tích 13,12m³, nước thải từ khu vực nấu ăn được đưa xuống bể tách mỡ thể tích 0,5m³, sau đó theo đường ống uPVC D50 chiều dài 20m dẫn về bể gom nước thải (thể tích 8m³).

+ Nước thải từ khu nhà ở công nhân đưa xuống bể tự hoại 02 ngăn (gồm có 01 bể thể tích $9,5\text{m}^3$, kích thước $2,3\text{m} \times 2,3\text{m} \times 1,8\text{m}$) theo đường ống uPVC D50 chiều dài 40m dẫn về bể gom (thể tích 8m^3).

Nước thải từ bể gom (thể tích 8m^3) được máy bơm (công suất 0,75Kw) đưa đẩy vào đường ống uPVC D50 chiều dài khoảng 25m dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất $40\text{m}^3/\text{ngày}$.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt (sau khi được xử lý sơ bộ) → Bể gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → nguồn tiếp nhận. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học MBBR

- Công suất thiết kế: $40\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Mật rỉ đường: 02 kg/ngày; Javen 02 kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành); tuân thủ định mức hóa chất.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mật độ vi sinh. Bổ sung dinh dưỡng nuôi vi sinh.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý đạt hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất, tư vấn thiết kế; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất của hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác:

+ Phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý để sửa chữa và đề ra phương án khắc phục.

+ Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc thì

phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý để khắc phục sự cố trong vòng 01 ngày, đồng thời thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đem đi xử lý theo quy định.

- Khi gặp sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn cho phép (QCCP):

+ Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt QCCP. Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh và đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau.

+ Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, cần liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

STT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào (bể gom)	Thực hiện lấy mẫu đơn 01 lần. Thời gian dự kiến: - Ngày 15/6/2024	Lưu lượng, pH, tổng chất rắn lơ lửng, BOD ₅ , tổng chất rắn hòa tan, Nitrat, amoni (tính theo N), sunfua, tổng các chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động-thực vật, phosphat (tính theo P), Tổng coliforms.	QCVN 14:2008/ BTNMT, Cột B
2	01 vị trí nước thải đầu ra sau bể khử trùng của trạm xử lý nước thải	- Tần suất lấy mẫu nước thải: lấy mẫu đơn 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Ngày 15/6/2024 - Ngày 16/6/2024 - Ngày 17/6/2024		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào mương thoát nước của khu vực sau đó chảy ra Suối Tráng Hồng. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi

trường xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Có 2 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Từ hoạt động của máy móc thiết bị tại trạm xử lý nước thải;
- Nguồn số 2: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị trong xưởng sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰)

- Vị trí 1: Tại khu vực trạm xử lý nước thải sinh hoạt. Tọa độ: X=2361278
Y=486105

- Vị trí 2: Trung tâm giữa nhà xưởng đặt dây chuyền may. Tọa độ: X=2361203; Y=485982.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	
1	85	85	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	1,4 m/s ²	1,4 m/s ²	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trong quá trình sản xuất của cơ sở không sử dụng các thiết bị cũ lạc hậu gây tiếng ồn, độ rung cao nhằm giảm thiểu sự lan truyền của tiếng ồn, rung động.

- Bố trí trồng cây xanh có tán rộng ở các vị trí trống trong khuôn viên cơ sở sẽ giảm thiểu tiếng ồn lan truyền ra môi trường xung quanh và tạo môi trường khí hậu trong lành, mát mẻ.

- Thường xuyên thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị, lau dầu mỡ để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung khi vận hành.

- Bố trí nhà vận hành trạm xử lý nước thải kiên cố tường gạch, trần bê tông, nền móng bê tông.

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm tiếng ồn, độ rung.

- Sử dụng đệm chống ồn, giảm rung chấn được lắp tại chân của máy móc, thiết bị. Lắp ống giảm thanh cho các máy móc và các thiết bị gây ồn.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất.

- Không cho xe nổ máy, bấm còi khi không cần thiết.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 337kg/năm, gồm:

TT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	24	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	48	16 01 06
3	Dầu động cơ và dầu bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	75	17 02 03
4	Sản phẩm vô cơ thải (máy móc thiết bị thải hỏng nhiễm dầu)	Rắn	150	19 03 01
5	Bao bì thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	40	18 01 01
Tổng			337	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Chất thải sản xuất thông thường gồm đầu vãi thừa, mex, chỉ thừa, lõi cuộn chỉ, bìa cát tông, nilong...phát sinh khoảng 60 kg/ngày, tương đương 1,56 tấn/tháng.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Khoảng 5kg/ngày

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh có thành phần chủ yếu là: túi nilong, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.. phát sinh với khối lượng khoảng 450 kg/ngày tương đương khoảng 11,7 tấn/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 thùng chứa chất thải bằng nhựa có nắp đậy dung tích 100-120 lít/thùng lưu giữ riêng biệt từng loại chất thải nguy hại, có biển tên, dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại

+ Diện tích: 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 12m²

+ Kết cấu, cấu tạo của kho: Khung kèo thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, có cửa ra vào trên cửa có biển cảnh báo kho chứa CTNH. Mặt sàn trong khu lưu giữ kín khít, không rạn nứt, không bị thấm thấu.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định (tần suất dự kiến 01 năm/lần).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Đối với phần chất thải là vải vụn, chỉ vụn, mex...phát sinh khoảng 50 kg/ngày được phân loại thu gom vào 10 thùng chứa dung tích 60-80 lít/thùng đặt tại các xưởng sản xuất, sau đó các loại vải vụn, chỉ, mex được cho vào các bao chứa đặt trong kho chứa chất thải rắn sản xuất.

- Đối với bao bì cát tông, ni lông ...phát sinh khoảng 10 kg/ngày được phân loại thu gom vào 02 thùng chứa riêng biệt dung tích 60-80 lít/thùng đặt tại các khu vực xưởng sản xuất, khi đầy thùng sẽ được vận chuyển về kho chứa chất thải rắn sản xuất.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ trong bể chứa bùn sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng đến hút bùn đi xử lý theo đúng quy định.

2.2.2. Kho chứa chất thải rắn thông thường:

+ Diện tích: 01 kho chứa chất thải công nghiệp diện tích 38m²

+ Kết cấu, cấu tạo của kho: Khung kèo thép, tường xây gạch, mái lợp tôn, có cửa ra vào, mặt sàn bằng bê tông.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định (tần suất dự kiến 03 tháng/lần).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 10 thùng chứa có nắp đậy dung tích 50-100 lít/thùng đặt tại nhà ăn, nhà vệ sinh, đầu các xưởng sản xuất...

2.3.2. Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích kho, khu vực lưu chứa: Kho chứa diện tích 16m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Kho có khung kèo thép tường bằng gạch, nền bê tông xi măng, mái lợp tôn, có lắp biển tên theo đúng quy định.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất dự kiến 03 lần/tuần).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống nước thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động trở lại sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty CP may Sơn Động có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 40m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận; không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát; thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 809/TTr-TNMT ngày 15/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.